

# VAI TRÒ CỦA ĐẠI HỌC

## (Về cuốn sách Đại học để làm gì?)

STEFAN COLLINI. **What universities for?** UK.: Penguin, 240 p.

PAUL SEABRIGHT. **How to defend universities.** *The Times Literary Supplement*, 7/3/2012. <http://www.the-tls.co.uk/tls/public/article988690.ece>.

PHƯƠNG NGA  
dịch

*LTS: tháng 2/2012, Stefan Collini, Giáo sư lịch sử và văn học Anh tại Đại học Cambridge xuất bản cuốn sách "What universities for?" - Đại học để làm gì?, trình bày những quan điểm của mình về vai trò của đại học hiện nay. Ngay sau đó, các tờ báo lớn và các tạp chí có uy tín ở Anh đều đăng các bài bình luận về cuốn sách này. Bài bình luận của GS. Paul Seabright (trưởng Đại học Kinh tế Toulouse - Pháp) được đánh giá là bài bình luận sâu sắc nhất. Xin giới thiệu cùng bạn đọc bài bình luận này.*

Tháng 10/2011, hai giảng viên của Đại học Stanford là Sebastian Thrun và Peter Norvig đã tổ chức lớp học trực tuyến miễn phí và kéo dài trong hai tháng cho sinh viên trên toàn thế giới với tên gọi "Giới thiệu về trí thông minh nhân tạo". Khóa học khá thành công khi thu hút tới 160 nghìn học viên tham gia. Có nhiều sinh viên ở Lithuania đã đăng ký khóa học trực tuyến này thay vì nhập học vào Đại học Stanford, trong khi đó các sinh viên đang sống trong chiến tranh ở Afganistan cũng nỗ lực vượt khó để tham gia lớp học trực tuyến thông qua các dịch vụ Internet tại địa phương. Trong số 248 sinh viên đạt điểm xuất sắc, không có học viên nào thuộc trường

Đại học Stanford. Số lượng học sinh tại các lớp đã rút từ 300 xuống còn 30 vì họ thấy thích thú với mô hình lớp học trực tuyến hơn. Thrun đã quyết định nghỉ việc tại Đại học Stanford để mở trường đại học trực tuyến, còn Norvig đang là Giám đốc Nghiên cứu tại Google. Trước đó các bài giảng đa dạng về môn Đại số và Lịch sử nghệ thuật của Học viện Khan đã đạt hơn 100 triệu lượt tải. Hiện Thrun đang cố gắng sáng tạo một mô hình giáo dục mới cho hệ đại học mà không ai có thể nghĩ tới vào thời điểm 20 năm trước đây.

Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy khoa học công nghệ và Internet khiến nhu cầu về sự tồn tại của các trường đại học trong hệ thống giáo dục không còn

là thiết yếu. Vấn đề ở chỗ có thể khoa học công nghệ đem lại lợi ích cho việc giảng dạy nhưng lại ảnh hưởng đến yếu tố khoa học nhân văn. Bạn có thể thưởng thức nhiều bức tranh đẹp cùng lúc nhờ xem trực tuyến, thay vì phải chen chúc trong đám đông tại các viện bảo tàng. Tài liệu tại thư viện hiện nay cũng trở nên phong phú, dồi dào và luôn sẵn có cho mọi người nhờ kết nối Internet. Các sinh viên và nhà nghiên cứu sẽ không còn phải tới tận thư viện và tìm kiếm các cuốn sách mình cần trong vô số các cuốn sách được bày trên các ngăn tủ như hai mươi năm trước đây. Thay vì phải ngồi trong các phòng hội trường và xem các giáo sư nổi tiếng giảng dạy với các phương tiện trợ giúp hay làm các bài kiểm tra với sự giám sát của các trợ giảng, bạn có thể xem bài giảng của chính những giáo sư này thông qua đĩa DVD với sự hỗ trợ của hệ thống âm thanh chất lượng và sống động nhờ sự sáng tạo của các nhà làm phim và nhà thiết kế. Hình thức học tập này có lẽ sẽ trở thành một loại hình giải trí như các buổi trình diễn của nhóm nhạc bạn yêu thích.

Sự phát triển của máy tính hay Internet hiện được xem là thách thức lớn nhất đối với trường đại học dù nó không hề được nhắc tới trong cuốn sách mới nhất của Stefan Collini. Cuốn sách nhìn nhận mối đe dọa với các trường đại học theo một hướng hoàn toàn khác, cụ thể là từ các chính trị gia – những người luôn muốn “can thiệp” tới trường đại học, và từ các nhân viên quản lý do bị phụ thuộc về tài chính. Cuốn sách tập trung vào trường hợp của nước Anh với một nội dung đầy ẩn ý thông qua tựa đề “Thế nào để làm gì?”. Cuốn sách đưa ra ví dụ không cân xứng về bộ môn cricket

và việc cấm được đề cập trên truyền hình. Nó cũng nhắc tới sự trao đổi quốc tế giữa các trường đại học với quy mô thay đổi từ những bức thư điện tử đến hãng hàng không easyJet rồi tới Chương trình Erasmus (*European Community Action Scheme for the Mobility of University Students*). Đây là chương trình trao đổi sinh viên và giáo viên giữa các nước thuộc khối EU, Thổ Nhĩ Kỳ, Na Uy và Thụy Sĩ, và đã đạt tới con số 3 triệu sinh viên trong năm 2012. Collini bám sát lý luận đi ngược lại với các bảng xếp hạng thế giới nhưng đó không phải là vấn đề tương tự. Sự tập trung hạn chế này là điểm đáng tiếc vì nội dung cơ bản của cuốn sách xứng đáng nhận được sự quan tâm chú ý rộng rãi của người đọc để tìm được cách giải quyết cho những vấn đề mà tác giả nhắc tới.

Collini coi cuốn sách của mình như một tuyên ngôn. Giống như những tác giả các dự thảo tuyên ngôn khác, Collini gặp khó khăn trong việc vừa phải truyền bá tư tưởng cho các thành viên chủ chốt cùng chí hướng, lại vừa phải thu hút thêm những người chưa cùng chung ý tưởng. Các tuyên ngôn thường được viết với việc giả sử không có ý tưởng nào có thể giải quyết được cùng lúc hai vấn đề, đó là việc các văn bản nếu được lắp ghép bởi một tổ chức thì sẽ không thể thu hút hay chứa đựng sự truyền cảm nữa. Một trong những điểm mạnh của cuốn sách hấp dẫn này chính là khả năng chống đối lại chủ nghĩa thất bại. Tác giả kiên quyết cho rằng, việc bảo vệ các trường đại học có thể truyền cảm hứng cho những người ủng hộ chủ chốt và cũng có khả năng giành chiến thắng trước các đồng minh tiềm năng nhưng còn do dự.

Collini công kích mạnh mẽ xu hướng phổ biến hiện nay khi hỗ trợ tài

chính dành cho các trường đại học được đánh giá không dựa trên giá trị thực sự của chúng mà dựa vào lợi ích nào đó mà các trường sẽ tạo ra, chẳng hạn như sự phát triển của nền kinh tế. Tác giả đã đưa ra một suy đoán sắc sảo về hậu quả của việc tổng hợp “những bài phát biểu và những bài viết về trường đại học của các chính trị gia, các nhà quản lý, các lãnh đạo doanh nghiệp và những đối tượng khác nữa” thành một tập hợp tài liệu, trong đó xóa bỏ đi tất cả các tham khảo về sự thịnh vượng, phát triển, cạnh tranh và giàu mạnh của kinh tế.

Những bài viết đó có lẽ sẽ giống như những mảnh nhỏ ghép thành bức tranh về cuộc chiến tiền hiện đại, trong đó những người sống sót sau cuộc chiến, dù đã mất liên lạc với quân chủ lực, sẽ là những người đầu tiên bị kẻ thù tấn công và tiêu diệt. Với vết thương và trong khung cảnh trống trải, một vài giá trị có tính danh nghĩa sẽ bị chệch hướng. Trong họ không còn sức chiến đấu và không cảm nhận được vị trí của mình ở một tầm nhìn rộng lớn hơn.

Tác giả khá gay gắt khi nói đến tiêu chí để đánh giá “những ảnh hưởng” vì chúng sẽ chiếm đến 20% tầm quan trọng của Khung Nghiên cứu xuất sắc 2014 và có lẽ sẽ còn tiếp tục được tiến hành trong tương lai. Nó không đơn giản chỉ vì nhiều nghiên cứu xuất sắc đã thay đổi cách chúng ta suy nghĩ về một vấn đề cụ thể nhưng lại không có chút ảnh hưởng hay tác động nào theo cách định nghĩa của thực tế, mà tác giả lo ngại rằng điều này sẽ làm cho văn hóa nói dối trở nên phổ biến. Khi viết về học thuật, ông “cảm thấy nghĩa vụ khi phải nói bằng ngôn ngữ của người ngoài hành tinh. Học thuật là phải cùng nhau tạo ra những tuyên ngôn để chứng minh

cho những đóng góp mà nguyên tắc của học thuật đem lại cho nền kinh tế quốc dân, hoặc là những đóng góp cho những mục tiêu khác dù học thuật biết rõ rằng đó không phải là mục đích của các hoạt động này, và cũng không phải là những điều làm cho các nguyên tắc này trở nên thú vị hay có giá trị hàng đầu với người này hay người kia”. Nó còn làm chệch hướng chú ý các giá trị mà học thuật cần phải khẳng định với bản thân và với thế giới: “là sự trái khoáy, ngược đời theo kiểu cho rằng học đàn violin để có được kỹ năng đánh máy giỏi”.

Đồng thuận với việc khẳng định những giá trị nội tại của trường đại học là một chuyện; đồng thuận những giá trị đó là gì lại là sự khác biệt lớn. Thậm chí còn có những nghi vấn cho việc các trường đại học có thực sự đem lại điều gì khác biệt? Các sinh viên có thể coi đó là nơi để trốn tránh khỏi cha mẹ, đánh mất sự trong trắng và kết bạn. Trong khi các bậc phụ huynh lại coi đây là nơi để con cái họ biết về cái gọi là độc lập tài chính. Với các nhà khoa học, đây là nơi họ trả tiền để làm những điều mình muốn trong khi các chính trị gia lại xem trường đại học là chỗ để giảm con số thất nghiệp. Các nhà hảo tâm sẽ được thể hiện tầm ảnh hưởng của mình với những người đã từng đối xử với họ lạnh lùng và đầy kiêu ngạo khi còn là sinh viên. Vậy trường đại học là những điều được nói tới ở trên hay còn có một ý nghĩa nội tại đặc biệt nào nữa? Collini có một chương sách khá ấn tượng giành để thảo luận về “ý tưởng về một Đại học của John Henry Newman” (1852). Không hề phê phán và đầy thông cảm, tác giả khẳng định “đại học là nơi cần được bảo vệ vì những chuẩn bị hữu ích cho cuộc sống sẽ được giảng dạy tại đây

theo một cách thức giúp các sinh viên hiểu được tính dự phòng của tri thức và liên hệ chúng với các dạng tri thức khác. Để làm được việc này, bản thân các giảng viên luôn phải gắn kết và nắm rõ trước những tri thức mà họ sẽ giảng dạy cho dù khó có thể dự đoán trước được đâu mới là cách thức tốt nhất để thực hiện điều đó". Nhận định này không có ý coi thường những điều có ích hay xem nhẹ tính vượt thời đại của tri thức nhưng nó yêu cầu khả năng thích ứng cao với một tư tưởng mở và không gian cho những ý tưởng sáng tạo. Đây là điều mà những người làm việc hoặc nghiên cứu tại các trường đại học cần phải sẵn sàng khẳng định.

Tuy nhiên không phải toàn bộ cuốn sách đều ấn tượng. Sách chia làm hai phần, nửa đầu được viết một cách khá súc tích khi Collini thể hiện một hình ảnh khá mở và linh hoạt, nhưng trong phần 2, ông quay trở lại với phong cách cũ khi viết về những tác phẩm được tái bản về chủ đề tài chính và cải cách đại học. Bố cục của một số chủ đề ngay từ lúc mới ra đời vốn đã không tốt vì phần lớn chỉ thể hiện tính luận chiến, do đó chúng đã ảnh hưởng tới văn chương của Collini do phong cách của các bài viết này không phải lúc nào cũng phù hợp với tư duy logic của ông. Hiện nay đã không còn nhiều ý kiến phản đối phương pháp trắc lượng thư mục như khi nó mới được xuất bản lần đầu vào năm 1989. Sự so sánh về việc áp dụng các chỉ số làm trích dẫn trong các quyết định học thuật so với việc hợp tác của người Pháp và Đức quốc xã dưới chế độ Vichy<sup>(\*)</sup> trở nên đáng chú ý với những

người đã nhắc lại các nhận xét về giá trị của nhân loại liên quan tới "cảm giác về sự nắm bắt và tỷ lệ". Chương I mở đầu với câu nói "không phải cái gì cũng có thể đem ra cân đo đong đếm được", có thể những người tầm thường sẽ kịch liệt phản đối khi hỏi về mục đích tu từ của lời khẳng định trên sẽ là gì? Ngân sách không phải là nguyên nhân của mọi vấn đề nhưng liệu các trường đại học sẽ làm gì nếu như không có ngân sách?

Trái ngược với nhận định của Collini, phương pháp trắc lượng thư mục là một phương pháp công bằng được sử dụng từ năm 1989 vì nó không đặt số lượng trên chất lượng và không nên làm giảm chất lượng của phương pháp này bằng những tuyên bố thổi phồng của những người quá khích. Paul Meehl đã có một công trình nghiên cứu vào những năm 1950 về việc các cá nhân tự tin quá đà với những nhận định của bản thân. Ví dụ, khi phỏng vấn việc làm hay khi xem xét đánh giá lâm sàng, yếu tố này đã hạn chế họ trong việc tăng mức tiêu chuẩn mang tính hệ thống và hạn chế việc nhìn nhận mọi việc chỉ qua ấn tượng chung. Như vậy họ mới có thể đưa ra các quyết định chuẩn xác hơn. Sau công trình này thì phương pháp trắc lượng thư mục bắt đầu được biết đến trong ngành Tâm lý học. Các học giả vẫn luôn phản đối các phát hiện này là không thích hợp để đánh giá những công trình của họ, nhưng ít nhất họ cũng phải nhận ra được hiệu quả và mức độ cần thiết của việc tồn tại những tranh cãi, nếu không sẽ là nguy cơ về các đòi hỏi ưu đãi. Các tiêu chuẩn mang tính hệ thống đều theo

(\*) Chính phủ Vichy được thành lập sau khi Pháp đầu hàng Đức ngày 22/6/1940, và lấy tên theo

trung tâm hành chính của Chính phủ tại Vichy, miền trung nước Pháp (ND).

chủ nghĩa đơn giản nhưng niềm tin vào bản năng thay cho các tiêu chuẩn đó mới chính là phương thức đơn giản nhất. Collini khá có lý khi tranh cãi về "Tiến trình giám sát bên ngoài không thực sự quyết định suy nghĩ của các thành viên trong giới học thuật là có giá trị hay không. Xét về dài hạn, câu trả lời đó sẽ được tìm ra chỉ khi nào suy nghĩ của những người trong cùng ngành nghề chịu ảnh hưởng sâu sắc và được truyền cảm hứng bởi tư tưởng trên". Nhưng ông không giải thích tại sao mức độ của tầm ảnh hưởng sẽ tốt hơn nếu việc đánh giá nhận xét được áp dụng thay vì những chứng cứ về con số. Các trí thức có lẽ sẽ cảm thấy bị xúc phạm khi được hướng dẫn làm thế nào để quyết định đúng đắn hơn về giá trị của chính các tác phẩm của họ. Nhưng khi giá trị đó được sử dụng như một phần của nguồn vốn thực tiễn từ những người khác thì việc "hãy tin chúng tôi vì chúng tôi biết/hiểu" đã đánh mất sức thuyết phục mà nó đáng phải có.

Chúng ta có lẽ thấy biết ơn Collini vì ông đã gợi nhớ đến sự cần thiết của việc giảm bớt tính bảo thủ trong quá trình khẳng định giá trị của các trường đại học. Và cũng nên biết ơn vì ông đã tin vào lý do các môn học được quan tâm, bởi đó là những lý do tốt nhất mà các học giả có thể đưa ra để giải thích tại sao họ đáng giá. Nhưng đó chính là yếu điểm vì khi nghĩ rằng lòng trung thành sẽ được cộng điểm nếu nó luôn thuyết phục người đọc một cách hợp lý và không gượng ép. Cách hùng biện mạnh mẽ của Collini khiến ông nhắc đi nhắc lại việc định hình những người phản đối ông là ngu ngốc hoặc kém hiểu biết. Điều này tạo ra một khó khăn với Collini vì ông đang phải xử lý một trong

những vấn đề phức tạp nhất mà cuốn sách xoay quanh: Giáo dục đại học có nên và nên làm như thế nào nếu được xem là thứ hàng hóa công cộng. Khó khăn là ở chỗ cụm từ "hàng hóa công cộng" này có ý nghĩa không rõ ràng. Khi thảo luận về giáo dục đại học, đôi khi nó mang nghĩa của "thứ hàng hóa mà toàn xã hội trả tiền để đeo đuổi", và khi theo nghĩa kinh tế, nó trở thành "thứ hàng hóa có lợi với mọi người dù họ có chi trả cho nó hay không hay họ có thể tiếp xúc với nó trực tiếp hay không?" Ý nghĩa thứ hai thông dụng và phổ biến hơn dưới hình thức những hàng hóa công cộng đó được coi như quốc phòng. Nước Anh chứ không phải Mỹ hay các quốc gia khác đã luôn nhìn nhận giáo dục đại học theo ý nghĩa đầu tiên nhưng đó không phải dấu hiệu của sự thiếu hụt về tinh thần hay sự mù quáng trong ý thức hệ khi đứng trước câu hỏi thứ hàng hóa công cộng này đáng giá bao nhiêu nếu hiểu theo ý nghĩa thứ hai. Với những người không tới trường đại học, họ có lẽ sẽ phẫn nộ với sự thật rằng tiền thuế họ đóng cho mục đích này sẽ chỉ mang lại cho họ những lợi ích ngang bằng với những lợi ích của chúng đối với những người tới trường.

Còn có những lợi ích xã hội khác to lớn hơn khi một cá nhân được giáo dục ở đại học nhưng hệ giáo dục này đang dần trở thành niềm vui cho những người theo học. Đây là một niềm vui đắt giá vì trong quá khứ, không phải ai đóng tiền cũng đều có cơ hội đi học. Và khi niềm vui kết thúc, các mối quan hệ của trường học sẽ đem lại lợi ích cho các sinh viên tốt nghiệp qua việc ưu tiên họ trong tiếp cận với những công việc lương cao. Khi còn giảng dạy tại Anh, tôi có khá nhiều sinh viên học lực khá nhưng

những công việc trong ngành tài chính với tiền lương hấp dẫn của họ lại phụ thuộc vào số tiền nhập học ban đầu thay vì phụ thuộc vào những gì tôi và các đồng nghiệp giảng dạy cho họ.

Cuốn sách của Collini được khá nhiều học giả yêu thích và ngưỡng mộ nhưng nếu tác giả thừa nhận và nêu lên được những mối quan tâm hiện nay thì nó sẽ có tính cộng hưởng với các trường đại học hơn. Các tham khảo về “những người đóng thuế huyền thoại” là không cần thiết vì chúng làm phiền tới những người đóng thuế thực sự. Rồi họ sẽ tự hỏi liệu các học giả có cảm thấy thú vị vì đã khinh miệt sự tồn tại của họ qua các bản báo cáo?

Những hiểu biết về mối quan hệ vốn đã tồn tại giữa các đại học và cộng đồng hiện vẫn đang được tái thảo luận theo nhiều hướng. Những gì đang diễn ra ở nước Anh, chủ yếu về tài chính và chính trị, sẽ không che đậy được những sự thật đang xảy ra trong nhiều lĩnh vực chứ không chỉ riêng trong lĩnh vực công nghệ. Nhìn theo một phương diện thì tỉ lệ nữ giới trong giáo dục đại học tại Anh, cụ thể là tỉ lệ đăng kí nhập học, hiện đang ở mức đáng chú ý khi cao hơn nam giới 1/4. Các con số cũng có sự khác biệt khá lớn ở các quốc gia khác gồm Mỹ, Pháp, Tây Ban Nha và Italia trong khi tại Đức con số này là tương đương nhau. Nam giới dường như không tin tưởng vào giá trị của giáo dục đại học như nữ giới. Tại Mỹ, tỉ lệ nam giới trong độ tuổi 30-35 có bằng đại học là tương đương với những người trong độ tuổi 65-70, trong khi tỉ lệ nữ giới có bằng đại học đã tăng hơn một nửa. Giữ vai trò phái mạnh trong đời sống chính trị, việc thuyết phục các nhà chính trị về sự thật

này đã trở thành nhiệm vụ khó khăn trong những năm gần đây.

Cuốn sách của Collini vẫn là một lời nhắc nhở tới sự cần thiết trong việc bảo vệ giá trị của trường đại học với những đặc trưng bản chất của nó chứ không dưới dạng đền bù cho bất cứ điều gì khác. Các nhạc sĩ đầy tự hào khi nói về âm nhạc của họ chứ không nhắc tới những lợi ích gián tiếp liên quan đến GDP, và các học giả cũng cần được nói về học thuật với niềm tự hào tương xứng. Đọc sách của Collini có thể giúp trả lời cho câu hỏi trong phần mở đầu cho dù nó sẽ không phải là câu hỏi duy nhất mà các trường đại học cần phải trả lời trong những thập kỉ tới. Đó là câu hỏi về sự tồn tại của các trường đại học quan trọng tới mức độ nào khi mà sự ra đời của các khóa học trực tuyến tạo điều kiện cho sinh viên trên toàn thế giới có thể đăng ký nhập học? Ông cũng nhắc nhở rằng, các đòi hỏi về trí tuệ là luôn khó khăn và đòi hỏi một sự thừa nhận chung với sự kết hợp của các yếu tố tương tự hoặc gần giống nhau. Sự dễ dàng và linh hoạt của truyền thông mạng làm sâu sắc thêm các ý kiến phản biện khi con người có thể lựa chọn người đối thoại đồng thời khiến họ trở nên lười nhác do yếu tố khoảng cách. Ngược lại với cộng đồng sử dụng Internet, một trường đại học sẽ giữ lại một vài nơi mà bạn buộc phải có mặt để có thể kết hợp các yếu tố tương tự trong các cuộc tranh luận về trí thông minh theo tiêu chuẩn thông thường. Điểm khởi đầu có thể là các buổi lễ tốt nghiệp sẽ trở nên thú vị hơn. Nhưng khi đối mặt với những thử thách của công nghệ cũng như từ chính trị thì nơi này vẫn trở thành một điểm đến tốt để bắt đầu cho quá trình rèn luyện.